TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1093/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 15/8/2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Soan

2. Bà Nguyễn Kim Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 553/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/5/2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 326/2023/QĐXX-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 (Quyết định hoãn phiên tòa số 295/2023/QĐHPT - ST ngày 26/7/2023), giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bé Nh, sinh năm 1984

Địa chỉ: huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre

Chổ ở: phường 11, quận Gò Vấp, TPHCM

Bị đơn: Ông Lâm Văn H, sinh năm 1982

Địa chỉ: huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng

Chổ ở: phường 11, quận Gò Vấp, TPHCM

(Nguyên đơn và bị đơn có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn là bà Trần Thị Bé Nh và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

Bà Trần Thị Bé Nh và ông Lâm Văn H chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 94, quyển số 02, do Ủy ban nhân dân xã An Định, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre cấp ngày 07/9/2010. Vợ chồng chung sống không còn hòa hợp nhau, không còn hạnh phúc do ông H gây nợ nần, không tập trung làm ăn, bà Nh luôn là người chịu trách nhiệm chính trong việc chăm lo chi tiêu cho gia đình. Cả hai dù sống chung nhà nhưng không còn quan tâm lo lắng cho nhau. Bà Nh yêu cầu tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Lâm Văn H.

Cả hai chung sống có hai con chung tên là Lâm Thanh H, sinh ngày 26/5/2012 và Lâm Hoàng B, sinh ngày 18/9/2014. Bà Nh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn là ông Lâm Văn H trình bày:

Ông H thừa nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do kinh tế gia đình giảm sút không còn như trước. Bản thân ông thu nhập kém đi nên không còn chăm lo cho gia đình chu đáo và cũng do những bất đồng khác xảy ra trong cuộc sống nên cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc nữa. Ông H không mong muốn ly hôn. Trường hợp bà Nh cương quyết ly hôn thì ông H đồng ý. Về con chung, bà Nh muốn trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, ông H không đồng ý. Ông H chỉ đồng ý giao trẻ Lâm Thanh H, sinh ngày 26/5/2012 cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H trực tiếp chăm sóc trẻ Lâm Hoàng B, sinh ngày 18/9/2014 và cả hai không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Về tài sản chung, ông H thống nhất theo ý kiến của bà Nh trình bày là tự giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, đưa vụ án ra xét xử công khai. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn có mặt, giữ nguyên các ý kiến đã trình bày như nêu trên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; Đảm bảo thời hạn xét xử, gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu đúng quy định tại Điều 203, khoản 2 Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Về người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nhận thấy có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh; Nguyên đơn gửi đơn ly hôn đến Toà án nhân dân quận Gò Vấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự thương yêu, tìm hiểu và tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 94, quyển số 02, do Ủy ban nhân dân xã An Định, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre cấp ngày 07/9/2010; Nay có yêu cầu ly hôn, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét yêu cầu của đương sự:*

2.1. Về tình cảm vợ chồng:

Nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng dành cho bị đơn không còn nên yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống của mình. Bị đơn không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là phải xây dựng trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng; Các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng dành cho bị đơn không còn. Dù sống chung nhà nhưng cả hai mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm lo lắng cho ai. Việc nguyên đơn cương quyết ly hôn đã thể hiện sự tự nguyện xây dựng hôn nhân và gia đình không còn nữa. Bị đơn không mong muốn ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp cụ thể nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hàn gắn gia đình. Điều này cho thấy đời sống vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau. Cuộc sống hôn nhân của các đương sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ly hôn là giải pháp tốt nhất để cả hai tự ổn định cuộc sống riêng của mình. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung: Có hai con chung tên là Lâm Thanh H, sinh ngày 26/5/2012 và Lâm Hoàng B, sinh ngày 18/9/2014.

Nguyên đơn đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn đề nghị mỗi người nuôi dưỡng một con chung và không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã ban hành quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ. Nguyên đơn cung cấp được tài liệu chứng cứ thể hiện có chổ ở ổn định và có thu nhập ổn định. Thu nhập hiện nay của nguyên đơn là 20.000.000 đồng/ tháng, cho thấy nguyên đơn có đủ điều kiện và khả năng để trực tiếp nuôi con. Đề nghị này của nguyên đơn phù hợp với nguyện vọng của hai con chung. Vì quyền lợi của trẻ em nên việc giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là cần thiết và phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Bị đơn dù đã nhận được Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ của Tòa án nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ nào thể hiện bị đơn có chổ ở ổn định và có thu nhập ổn định. Đề nghị của bị đơn cũng không phù hợp nguyện vọng của hai con chung cho thấy bị đơn chưa đủ điều kiện và khả năng để trực tiếp nuôi con, nên không có cơ sở để chấp nhận.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử ghi nhận.

2.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bé Nh được ly hôn ông Lâm Văn H. Giấy chứng nhận kết hôn số 94, quyển số 02, do Ủy ban nhân dân xã An Định, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre cấp ngày 07/9/2010 không còn hiệu lực.

2/ Về con chung: Giao bà Trần Thị Bé Nh quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung tên là Lâm Thanh H, sinh ngày 26/5/2012 và Lâm Hoàng B, sinh ngày 18/9/2014 cho đến khi trưởng thành.

Ông Lâm Văn H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Bà Trần Thị Bé Nh không yêu cầu ông Lâm Văn H cấp dưỡng nuôi con. Khi có lý do chính đáng, việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Thay đổi về việc cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

4/ Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do bà Trần Thị Bé Nh chịu, nhưng được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng bà Nh đã tạm nộp án phí theo biên lai thu số AA/2022/0013250 ngày 05/5/2023 của Chi cục Thi hành án quận Gò Vấp. Bà Trần Thị Bé Nh đã nộp đủ án phí.

5/ Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

6/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày

nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Nơi cấp GCNKH;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Tứ Nhị